

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST  
Ngày 19-01-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Như Lữ

2. Bà Nguyễn Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sùng A Tình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa:** Ông Thào A Sùng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2023/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu H** (không có tên gọi khác); sinh ngày 14/4/1970, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 46, tổ 01, phường N, thành phố Đ, Điện Biên. Chỗ ở trước khi bị bắt: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Hiệu trưởng (bị đình chỉ chức vụ ngày 28/3/2023). Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 29/3/2023). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Dương Thị B (đã chết). Gia đình có 09 anh, chị, em, bị can là con thứ 09 trong gia đình. Chồng Tòng Văn M (đã ly hôn) và có 01 người con, sinh năm 1991. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xét xử, xử phạt hành chính. Bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2023 đến ngày 07/12/2023, sau đó áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến ngày xét xử (19/01/2021). Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lường Văn C** (không có tên gọi khác); sinh ngày 18/4/1988, tại thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản H, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Kế toán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Con ông: Lường Văn P, sinh năm 1953 và bà Lò Thị T, sinh năm 1954. Gia đình có 07 anh, chị, em, bị can là con thứ 07 trong gia đình. Vợ Cà Thị X (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án: không; Tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị xét xử,

xử phạt hành chính. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/6/2023 cho đến ngày xét xử (19/01/2024). Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- **Nguyên đơn dân sự:** Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học P. Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đ được giao phụ trách làm hiệu trưởng theo Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 12/5/2023 của UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người có quyền lợi liên quan:** 336 em học sinh năm học 2021-2022 và 344 em học sinh năm học 2022-2023 ( Có danh sách kèm theo). Người đại diện theo ủy quyền của các em học sinh: Ông Lò Văn H, sinh năm 1994. Trú tại bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2023. Có mặt tại phiên tòa.

- **Những người cần triệu tập đến phiên tòa:**

+ Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1981. Trú tại: Phố 11, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963. Trú tại số nhà 47, tổ 1, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

+ Anh Tổng Văn N, sinh năm 1990. Trú tại: Đội 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Nạ Văn T, sinh năm 1987. Trú tại: Bản C, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Xuân T. Địa chỉ: Số 21, Đường T, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty bảo hiểm B theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968. Trú tại tổ 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

+ Bà Vàng Thị Thu P, sinh năm 1996. Trú tại bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Vừ Thị D, sinh năm 1992. Trú tại bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Anh Lò Văn N, sinh năm 1985. Trú tại: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo ủy quyền của các thầy cô giáo chủ nhiệm năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023, theo biên bản ủy quyền ngày 04/01/2024. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học P(sau đây viết tắt là Trường PTDTBT tiểu học P) là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, trực thuộc Phòng giáo dục và đào tạo huyện Đ. Chủ tài khoản trong thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2023 là bà Nguyễn Thị Thu H được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng kể từ ngày 20/7/2020 theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của

Ủy ban nhân dân huyện Đ. Lương Văn C là kế toán của Trường PTDTBT tiểu học P từ ngày 01/01/2021 đến nay theo Quyết định số 629/QĐ-PGDĐT ngày 22/12/2020 của Phòng giáo dục và đào tạo huyện Đ.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi tiền hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là Nghị định 116/2016/NĐ-CP). Trong đó có nội dung “ *Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh* ”. Nhận thấy học sinh nghỉ học nhiều và có sơ hở trong việc chi, thanh quyết toán tiền hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, Nguyễn Thị Thu H bàn bạc với Lương Văn C lập các chứng từ chi ăn cho học sinh cao hơn số lượng học sinh ăn thực tế hàng ngày để hưởng chênh lệch với tổng số tiền từ tháng 5, 9, 10, 11, 12 năm học 2021-2022 là 133.582.130 đồng, cụ thể như sau:

Năm học 2021-2022, Trường PTDTBT tiểu học P được giao tổng kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP là 1.983.000.000 đồng. Số tiền trên, Nhà trường và Phụ huynh thống nhất để trường giữ lại tổ chức mua thực phẩm nấu ăn cho các cháu học sinh bán trú hàng ngày. Trong tháng 5/2022 Nguyễn Thị Thu H nhận thấy số tiền ăn sau khi chi trả tiền mua thực phẩm thực tế còn thừa 36.960.000đ của 336 em học sinh, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên, H bàn bạc với C lập phiếu chi ngày 27/5/2022 nội dung “ *mua quần áo đồng phục cho 336 em học sinh nội trú với tổng số tiền 36.960.000 đồng* ” mang đến cho anh Nạ Văn T (là đại diện Hội phụ huynh học sinh, trú tại bản C, xã P, huyện Đ) ký vào phần người nhận tiền, ký xong C lưu phiếu chi vào tập thanh toán tiền ăn tháng 5/2022 để thanh quyết toán. Sau khi hoàn thiện thủ tục, H chuyển cho C 10.000.000 đồng vào số tài khoản 8910205020720 là tài khoản cá nhân của C, còn 26.960.000 đồng H sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Từ tháng 9 đến tháng 12/2022, Nguyễn Thị Thu H là người đứng ra hợp đồng với bà Nguyễn Thị Q, trú tại tổ 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên là chủ cơ sở cung ứng “ *công nghệ thực phẩm, thủy hải sản khô, thực phẩm đông lạnh* ” để cung cấp thực phẩm cho nhà trường và trực tiếp mua, chi trả tiền cho bà Q. Trong thời gian này giáo viên chủ nhiệm không chấm ăn hàng ngày của học sinh vào trong sổ chấm cơm mà chỉ báo số lượng ăn trên nhóm zalo chung của trường, sau đó bị cáo C tổng hợp học sinh ăn thực tế rồi tính số lượng thực phẩm cần xuất thông báo lại cho ông Nguyễn Ngọc M- Phó hiệu trưởng nhà trường là người được giao quản lý kho thực phẩm xuất thực phẩm cho nhân viên nấu ăn chị Vừ Thị D và báo lại cho Nguyễn Thị Thu H để nhập thực phẩm thực tế. Khi tiến hành xuất thực phẩm, M lập một quyển sổ theo dõi lượng xuất thực phẩm thực tế hàng ngày, mỗi lần xuất thực phẩm đều có sự ký nhận của chị Vừ Thị D là nhân viên nấu ăn. Đến cuối tháng C không dựa vào việc nhập, xuất thực phẩm thực tế để làm chứng từ thanh quyết toán tiền ăn mà C hoàn thiện chứng từ ăn bằng cách tự chấm số lượng học sinh ăn các lớp vào sổ chấm cơm, lập các phiếu theo dõi suất ăn hàng ngày đưa cho giáo viên chủ nhiệm ký xác nhận vào cuối tháng, làm phiếu xuất kho đưa cho bà Vàng Thị Thu P là nhân viên được giao quản lý kho ký vào để hoàn thiện chứng từ. C cũng tự liên hệ với bà Nguyễn Thị Q đề nghị xuất hóa

đơn bán thực phẩm theo nội dung chứng từ C đã lập để hoàn thiện và thanh quyết toán. Hàng tháng, C lập thủ tục rút tiền ở kho bạc rồi báo cho thủ quỹ Tổng Văn N ra kho bạc rút tiền. Khi rút được tiền, N báo cho bị cáo H và H yêu cầu chuyển khoản vào tài khoản của H hoặc đưa tiền mặt cho H. Toàn bộ số tiền mà Tổng Văn N rút từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2022 liên quan đến khoản tiền hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP đều đã chuyển khoản hoặc đưa trực tiếp cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Bị cáo H tự chi trả tiền mua thực phẩm thực tế, số tiền chênh lệch còn lại H chia cho C mỗi tháng 5.000.000 đồng và giữ lại chi tiêu cá nhân. Tiền hành đối chiếu sổ xuất thực phẩm thực tế với chứng từ đã thanh quyết toán từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2022 của Trường PTDTBT tiểu học P và một số tài liệu khác đã xác định được số tiền ăn được nâng lên để thanh quyết toán là 96.622.130 đồng. Số tiền này bị cáo Nguyễn Thị Thu H hưởng lợi 76.622.130 đồng; Lương Văn C được hưởng lợi 20.000.000 đồng.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Thu H còn chiếm đoạt tiền quỹ của Trường PTDTBT tiểu học P, cụ thể như sau:

Theo sự thống nhất của Phụ huynh học sinh từ đầu các năm học 2020, 2021 và 2022 thì số tiền ăn còn thừa của năm (2020, 2021 và 2022) sẽ mua bảo hiểm cho các em học sinh nội trú. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã yêu cầu C lập danh sách học sinh nội trú năm 2020, 2021 và 2022 gửi cho Công ty bảo hiểm B và quyết toán vào nguồn tiền ăn của học sinh. Còn bản thân H là hiệu trưởng trường đại diện cho các em học sinh ký các hợp đồng bảo hiểm để mua bảo hiểm cho các em, trong các hợp đồng bảo hiểm đều có nội dung thỏa thuận Công ty bảo hiểm B trích lại 10% cho Trường PTDTBT tiểu học P để hỗ trợ thực hiện công tác đề phòng hạn chế tổn thất. Sau khi nhận được tiền trích lại với tổng số tiền là 8.991.000 đồng, H không nhập quỹ của nhà trường để chi theo mục đích của hợp đồng mà giữ lại, tiêu cá nhân hết, cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/9/2020, Nguyễn Thị Thu H ký hợp đồng số 18 với Công ty bảo hiểm B về việc hợp đồng bảo hiểm toàn diện cho 316 học sinh nội trú với tổng số tiền là 28.440.000 đồng, được trích lại 2.844.000 đồng, H trực tiếp trả tiền mua bảo hiểm và nhận tiền trích lại và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 2: Ngày 28/9/2021, Nguyễn Thị Thu H ký hợp đồng số 16 với Công ty bảo hiểm B về việc hợp đồng bảo hiểm toàn diện cho 335 học sinh nội trú với tổng số tiền là 30.150.000 đồng, được trích lại 3.015.000, H trực tiếp trả tiền mua bảo hiểm và nhận tiền trích lại và chi tiêu cá nhân hết

Lần 3: Ngày 17/10/2022, Nguyễn Thị Thu H ký hợp đồng số 22 với Công ty bảo hiểm B về việc hợp đồng bảo hiểm toàn diện cho 348 học sinh nội trú với tổng số tiền là 31.320.000 đồng, được trích lại 3.132.000 đồng, H trực tiếp trả tiền mua bảo hiểm và nhận tiền trích lại và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cáo trạng số: 85/CT-VKS-ĐBĐ ngày 29/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội: Tham ô tài sản quy định tại các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lương Văn C về tội: Tham ô tài sản quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Lương Văn C cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng các điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H. Xử phạt bị cáo Hoàn tù 02 năm đến 03 năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự: Cấm đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trong các trường công lập và dân lập trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo H.

+ Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 59 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng miễn hình phạt cho bị cáo về tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự: Cấm đảm nhiệm chức vụ Kế toán thời hạn từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực đối với bị cáo C.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H trả lại 112.573.130 đồng và buộc bị cáo Lương Văn C trả lại 30.000.000 đồng. Ghi nhận việc các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền trên hiện đang được tạm giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Giao toàn bộ số tiền trên cho Trường PTDTBT tiểu học P quản lý, xử lý theo quy định.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 chiếc điện thoại I Phone 13 promax.

+ Trả cho Trường PTDTBT tiểu học P . Địa chỉ tại: xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.

+ Giữ lại toàn bộ số tiền 203.650.000 đồng hiện đang quản lý tại kho của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để khấu trừ vào số tiền 112.573.130 đồng bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp và 30.000.000 đồng bị cáo Lương Văn C nộp khắc phục hậu quả. Số tiền thừa sau khi khấu trừ trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H 5.076.870 đồng và trả lại cho bị cáo Lương Văn C số tiền 56.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, điểm g Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm về với gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét về hành vi của các bị cáo bị truy tố thấy rằng: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Lương Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định vào năm 2022, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Nguyễn Thị Thu H là hiệu trưởng và Lương Văn C là kế toán Trường PTDTBT tiểu học P cùng thống nhất lập không chứng từ chi và chiếm đoạt số tiền 133.582.130 đồng là tiền hỗ trợ tiền ăn chi theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, trong đó bị cáo Nguyễn Thị Thu H được hưởng 103.582.130 đồng, bị cáo Lương Văn C được hưởng 30.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “ Tham ô tài sản” theo Điều 353 Bộ luật Hình sự. Số tiền 133.582.130 đồng mà các bị cáo chiếm đoạt là tiền Nhà nước trợ cấp cho các cháu học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết định khung theo điểm d, đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H còn có hành vi 03 lần chiếm đoạt tiền quỹ của Trường PTDTBT tiểu học P . Số tiền quỹ này do Công ty bảo hiểm Bảo Việt Đ trích từ 03 hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng số 18; 16 và 22) với tổng số tiền 8.991.000 đồng. Cho nên bị cáo Nguyễn Thị Thu H còn phải chịu trách nhiệm về tội “Tham ô tài sản” đối với tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá ....thì bị phạt.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

đ) Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;”.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Lương Văn C về tội danh và điều luật là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét tính chất, mức độ phạm tội:

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu và hoạt động đúng đắn của Trường PTDTBT tiểu học P trong lĩnh vực quản lý tài sản nói chung và quản lý ngân sách nhà nước cấp cho học sinh, quản lý quỹ hoạt động của trường nói riêng. Tội phạm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, để lại dư luận xấu trong nhân dân nhất là trong các bậc phụ huynh có con em đang học tại Trường PTDTBT

Tiểu học P và được sự quan tâm của toàn hệ thống các trường học, nhân dân trong huyện.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Lương Văn C cùng nhau thực hiện tội phạm và cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt 133.582.130 đồng. Tuy nhiên, bị cáo H phải chịu trách nhiệm cao hơn vì là người khởi xướng, chỉ đạo và quyết định phân chia hưởng lợi nhiều hơn bị cáo C.

*[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Xét thấy nhân thân các bị cáo từ trước khi bị khởi tố đến nay chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trước khi phạm tội luôn chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; đã tự nguyện và vận động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả; có bố đẻ là ông Nguyễn Văn K được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước Hạng ba; bản thân bị cáo được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và được tặng nhiều giấy khen; đại diện Trường PTDTBT tiểu học P và đại diện theo ủy quyền của các cha mẹ các em học sinh trong trường xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Lương Văn C tự nguyện đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trình báo hành vi vi phạm của bản thân khi chưa bị cơ quan chức năng phát giác; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; có ông nội là Lương Văn H được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba và bác ruột là Lương Văn P là liệt sỹ được Tổ Quốc ghi công; đại diện của Trường PTDTBT tiểu học P và đại diện theo ủy quyền của cha mẹ các em học sinh trong trường xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn C.

*[4]. Về hình phạt đối với các bị cáo:*

*[4.1]. Hình phạt chính:*

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H: Từ những phân tích tại các [1, 2, 3] trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H là người có nhân thân tốt có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại gây ra theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ do đó bị cáo có đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để vừa giáo dục răn đe nhưng cũng vừa đảm bảo cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Như vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đ về hình phạt chính đối với bị cáo H là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2023 đến ngày 07/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Như vậy, bị cáo bị tạm giam 256 ngày tạm giam = 08 tháng 16 ngày sẽ được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Đối với bị cáo Lương Văn C xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt; bản thân thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của cấp trên ( bị cáo H); thực sự ăn năn hối cải mong được hưởng sự khoan hồng đặc biệt cho hành vi của mình nên đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác và tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền trong cung cấp tài liệu để nhanh chóng điều tra, kết thúc nhanh vụ án, góp phần hạn chế thiệt hại gây ra; bị cáo cũng đã chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt và đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra; bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho nên có đủ điều kiện để áp dụng miễn hình phạt theo Điều 59 Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ cho bị cáo Lương Văn C.

[4.2]. *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, Do đó:

Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo phụ thuộc vào lương, nay lại phạm tội nguồn thu nhập chính bị mất nên khó khăn, không có điều kiện để thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đại diện của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người được triệu tập đến phiên tòa vắng mặt, nhưng đã có lời khai rõ trong hồ sơ đủ đánh giá xem xét giải quyết vụ án, không ảnh hưởng đến xét xử các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt của những người trên theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 112.573.130 đồng, bị cáo C phải nộp 30.000.000 đồng. Tổng số tiền khắc phục là 142.573.130 đồng. Giao cho



Trường PTDTBT, Tiểu học P quản lý, sử dụng. Trong đó số tiền 133.582.130 đồng chi trả cho các cháu học sinh được hưởng chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP tháng 5, 9,10,11,12 năm 2022 và số tiền 8.991.000 đồng nhập quỹ Nhà trường quản lý sử dụng.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã tự nguyện giao nộp 69.580.200.000 đồng, bà Nguyễn Thị D tự nguyện giao nộp 29.620.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc M tự nguyện giao nộp 13.450.000 đồng, ông Nguyễn Tuấn A tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả cho bị cáo H hiện đang giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Tổng số tiền bị cáo H và những người có tên trên đã nộp là 117.650.000 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp là 112.573.130 đồng. Số tiền thừa 5.076.870 đồng trả lại cho bị cáo H.

Ghi nhận việc bị cáo Lương Văn C đã tự nguyện giao nộp 86.000.000 đồng đang giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, khấu trừ 30.000.000đ số tiền bị cáo C phải nộp khắc phục hậu quả, trả lại cho bị cáo Lương Văn C số tiền thừa là 56.000.000 đồng.

*[7]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:*

- Các tài liệu chứng từ thu thập để điều tra xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội Cơ quan điều tra đã trả cho Trường PTDTBT tiểu học P theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 03/QĐ-CSĐT ngày 20/7/2023 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Máy tích xác tay nhãn hiệu ASUS và các tài liệu niêm phong khi khám xét phòng làm việc của bị cáo Nguyễn Thị Thu H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả cho gia đình bị cáo theo ủy quyền của bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Số tiền 69.580.200 đồng của bị cáo H và 29.620.000 đồng của bà Nguyễn Thị D (chị gái bị cáo) giao nộp nhằm khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo H gây ra, cần giữ lại để khấu trừ vào số tiền khắc phục hậu quả cho Trường tiểu học bán trú P.

- Số tiền 86.000.000 đồng do bị cáo Lương Văn C giao nộp nhằm khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo C gây ra, cần giữ lại 30.000.000 đồng để khấu trừ vào số tiền khắc phục hậu quả cho Trường tiểu học bán trú P. Trả lại cho bị cáo C số tiền 56.000.000 đồng là số tiền thừa sau khắc phục hậu quả.

- Số tiền 13.450.000 đồng do ông Nguyễn Ngọc M giao nộp, do ông M không biết số tiền trên bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho ông M từ tiền phạm tội mà có. Cũng cần giữ lại để khấu trừ vào tiền khắc phục hậu quả của bị cáo H.

- Số tiền 5.000.000đ do ông Nguyễn Tuấn A giao nộp. Qua điều tra xác định giữa bị cáo H và anh T có quan hệ vay mượn số tiền 5.000.000đ và chưa trả cho bị cáo H. Tuy nhiên nguồn gốc số tiền cho anh T vay là do bị cáo H phạm tội mà có. Khi biết được sự việc, anh T tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000đ cho cơ quan điều tra để phục vụ điều tra nên cần giữ lại để khấu trừ vào số tiền khắc phục hậu quả gây ra của bị cáo H.

- 01 máy tính xách tay HP là tài sản của Trường PTDTBT tiểu học P, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học P sử dụng theo Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng

hình sự

- 01 điện thoại I Phone 13 promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo H sử dụng theo Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*[8]. Về kiến nghị:*

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ, Kho bạc Nhà nước huyện Đ, Phòng Thanh tra huyện Đ, Phòng giáo dục - Đào tạo huyện Đ cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, nhằm tránh xảy ra thất thoát về tài sản và vi phạm pháp luật của cán bộ, nhân viên các đơn vị trực thuộc.

Kiến nghị Trường PTDTBT tiểu học P phải xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế hoạt động của trường trong việc phân công phụ trách kho thực phẩm, quản lý quỹ, công khai thực hiện các công việc của các bộ phận liên quan và trách nhiệm của từng bộ phận trong việc ký nhận các giấy tờ liên quan để thanh quyết toán với Nhà nước.

*[9]. Các vấn đề khác:*

+ Đối với ông Nguyễn Ngọc M, Phó Hiệu trưởng Trường PTDTBT tiểu học P kiêm quản lý kho thực phẩm, được Nguyễn Thị Thu H cho 13.450.000 đồng từ nguồn tiền nâng số lượng ăn các tháng 9, 10, 11, 12/2022. Ông M không biết việc bị cáo H chỉ đạo nâng khống số lượng ăn học sinh để thanh quyết toán và khi nhận tiền M không biết nguồn gốc tiền do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

+ Đối với ông Nạ Văn T, là người đã ký nhận số tiền 36.960.000 đồng vào phiếu chi mua đồng phục cho học sinh nhưng thực tế không được mua, khi ký ông T không đọc, không biết mục đích của các bị cáo H và C và không được hưởng lợi. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

+ Đối với ông Nguyễn Tuấn A, Hiệu trưởng, trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Q, xã X, huyện Đ đã vay 5.000.000 đồng từ số tiền do bị Nguyễn Thị Thu H tham ô mà có. Khi vay tiền anh Nguyễn Tuấn A không biết số tiền này do bị cáo H phạm tội mà có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

+ Đối với ông Tổng Văn N, giáo viên kiêm thủ quỹ Trường PTDTBT tiểu học P, ông N không biết việc các bị cáo nâng khống số lượng ăn học sinh để thanh quyết toán và không được hưởng lợi. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

+ Đối với bà Nguyễn Thị Q, bà Q đã có hành vi ghi khống hóa đơn cho các bị cáo cho vào chứng từ thanh quyết toán, bà Q không biết mục đích của các bị cáo, hành vi của bà Q đã bị cơ quan thuế xử phạt hành chính về hành vi ghi khống hóa đơn. Cho nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

+ Đối với hành vi của các thầy cô giáo chủ nhiệm trong Trường PTDTBT tiểu học P năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 có hành vi ký vào sổ chấm cơm năm học 2021-2022 để cho bị cáo Lương Văn C hoàn tất chứng từ quyết toán nhưng không được hưởng lợi gì, không biết hành vi của các bị cáo nhằm phạm tội nên không đề nghị xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

*[10]. Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm g, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo

phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã tự nguyện nộp bồi thường.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 353 Bộ luật Hình sự.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H và Lương Văn C phạm tội “Tham ô tài sản”.

**2. Về hình phạt:**

2.1. Áp dụng điểm c, d, đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

Xử phạt bị cáo Hoàn 02 (hai) năm tù, được khấu trừ 8 tháng 16 ngày tạm giam. Bị cáo H còn phải chấp hành 01 năm 3 tháng 14 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Cấm đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trong các trường công lập và dân lập trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

2.2. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 353; điểm b, s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17; Điều 58, Điều 59 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn C.

Xử phạt bị cáo Lương Văn C 02 (hai) năm tù nhưng miễn hình phạt cho bị cáo C.

Cấm đảm nhiệm chức vụ Kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực.

**3. Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Giao cho Trường PTDTBT tiểu học P. Địa chỉ tại: xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên quản lý, sử dụng số tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp là: 112.573.130 đồng và số tiền bị cáo Lương Văn C nộp là: 30.000.000 đồng. Số tiền này các bị cáo đã tự nguyện giao nộp hiện đang được giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/12/2023 giữa cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

**4. Về vật chứng vụ án:** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 chiếc điện thoại I Phone 13 promax

+ Trả lại cho Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học P 01 máy tính xách tay HP.

+ Giữ lại số tiền 117.650.000 đồng hiện đang giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, khấu trừ số tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp là 112.573.130 đồng khắc phục hậu quả cho Trường PTDTBT tiểu học P. Số tiền thừa 5.076.870 đồng trả lại cho bị cáo H.

+ Giữ lại số tiền 86.000.000đ của bị cáo Lương Văn C giao nộp hiện đang giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ để khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng bị cáo Lương Văn C nộp khắc phục hậu quả cho Trường PTDTBT tiểu học P, số tiền còn lại 56.000.000 đồng trả cho bị cáo Lương Văn C.

*(Hiện toàn bộ vật chứng trên được quản lý tại kho của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/12/2023 giữa cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông và Cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên Đông).*

**5. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, điểm g Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H và bị cáo Lương Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lương Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2024). Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự Trường PTDTBT tiểu học P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Phòng NVHS CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

